

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 127/2013/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2013

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: ... 89.36 ... Ngày: ... 15/10 ...

NGHỊ ĐỊNH

Quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật hải quan ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hải quan ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính trong lĩnh vực hải quan.

Chương I

XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HẢI QUAN

Mục 1

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Chương này quy định hành vi vi phạm, hình thức, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả; thẩm quyền xử phạt; thủ tục xử phạt vi phạm hành chính; việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan quy định tại Nghị định này bao gồm:

- a) Vi phạm các quy định của pháp luật về thủ tục hải quan;
- b) Vi phạm các quy định của pháp luật về kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

c) Vi phạm các quy định của pháp luật về thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu (sau đây gọi tắt là thuế);

d) Vi phạm các quy định pháp luật khác có liên quan đến hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu; phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

3. Các hành vi vi phạm hành chính liên quan đến lĩnh vực hải quan nhưng không được quy định tại Nghị định này mà được quy định tại các văn bản pháp luật khác thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại các văn bản đó.

Điều 2. Tình tiết giảm nhẹ trong lĩnh vực hải quan

1. Các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 9 Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Vi phạm lần đầu.

3. Tang vật vi phạm có trị giá không quá 50% mức tiền phạt tối thiểu của khung tiền phạt đối với hành vi vi phạm.

Điều 3. Thời hiệu xử phạt hành chính trong lĩnh vực hải quan

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm pháp luật về thuế trong lĩnh vực hải quan:

a) Đối với vi phạm hành chính là hành vi trốn thuế, gian lận thuế chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, hành vi khai sai dẫn đến thiếu số thuế phải nộp hoặc tăng số thuế được miễn, giảm, hoàn thì thời hiệu xử phạt là 05 năm, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm.

b) Quá thời hiệu xử phạt vi phạm pháp luật về thuế thì người nộp thuế không bị xử phạt nhưng vẫn phải nộp đủ số tiền thuế thiếu, số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn cao hơn hoặc số tiền thuế trốn, số tiền thuế gian lận, tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước trong thời hạn mười năm trở về trước, kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

2. Thời hiệu xử phạt đối với các hành vi vi phạm khác ngoài các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này thì thực hiện theo quy định tại Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính.

3. Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân do cơ quan tiến hành tố tụng chuyển đến thì thời hiệu được áp dụng theo quy định tại Điểm a Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

Thời gian cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý, xem xét được tính vào thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

4. Trong thời hạn được quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này mà cá nhân, tổ chức cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

Điều 4. Mức phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức

1. Mức phạt tiền quy định tại Mục 2 Chương I Nghị định này là mức phạt đối với tổ chức; mức phạt đối với cá nhân bằng $\frac{1}{2}$ mức phạt tiền đối với tổ chức, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

2. Mức xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều 9, Khoản 1 Điều 14 Nghị định này là mức xử phạt đối với cá nhân.

3. Mức xử phạt đối với hành vi vi phạm pháp luật về thuế quy định tại các Điều 8 Nghị định này là mức phạt tiền được áp dụng đối với cá nhân và tổ chức theo quy định tại Khoản 33 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế ngày 20 tháng 11 năm 2012.

Điều 5. Những trường hợp không xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan

1. Các trường hợp không xử phạt theo quy định tại Điều 11 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Hàng hoá, phương tiện vận tải được đưa vào lãnh thổ Việt Nam do sự kiện bất ngờ, sự kiện bất khả kháng thì phải thông báo với cơ quan hải quan hoặc cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật; hàng hoá, phương tiện vận tải đó phải được đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam sau khi các yếu tố nêu trên được khắc phục.

2. Nhầm lẫn trong quá trình nhập khẩu, gửi hàng hoá vào Việt Nam nhưng đã được người gửi hàng, người nhận hoặc người đại diện hợp pháp thông báo bằng văn bản với cơ quan hải quan, được thủ trưởng cơ quan hải quan nơi tiếp nhận và xử lý hồ sơ chấp nhận trước thời điểm quyết định kiểm tra thực tế hàng hoá hoặc quyết định miễn kiểm tra thực tế hàng hoá; trừ trường hợp hàng hoá nhập khẩu là ma tuý, vũ khí, tài liệu phản động, hoá chất độc Bảng I trong Công ước cấm vũ khí hoá học.

3. Các trường hợp được sửa chữa, khai bổ sung theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định tại Điều 8, Điều 13 Nghị định này nhưng số tiền thuế chênh lệch không quá 500.000 đồng đối với trường hợp vi phạm do cá nhân thực hiện hoặc 2.000.000 đồng đối với trường hợp vi phạm do tổ chức thực hiện.

5. Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá không đúng với khai hải quan về số lượng, trọng lượng quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và Khoản 4 Điều 7 Nghị định này mà hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu không đúng với khai hải quan có trị giá không quá 10% trị giá hàng hóa thực xuất khẩu, thực nhập khẩu, nhưng tối đa không quá 10.000.000 đồng.

6. Khai đúng tên hàng hoá thực xuất khẩu, nhập khẩu nhưng khai sai mã số, thuế suất lần đầu.

7. Vi phạm quy định về khai hải quan đối với ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam bằng tiền mặt, vàng của người xuất cảnh, nhập cảnh mà tang vật vi phạm có trị giá dưới 5.000.000 đồng.

Mục 2 **CÁC HÀNH VI VI PHẠM, HÌNH THỨC XỬ PHẠT** **VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

Điều 6. Vi phạm quy định về thời hạn làm thủ tục hải quan, nộp hồ sơ thuế

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Khai, nộp hồ sơ hải quan không đúng thời hạn quy định, trừ vi phạm quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ Khoản 2; Điểm a, b Khoản 3; Khoản 4 Điều này;

b) Không nộp đúng thời hạn chứng từ thuộc hồ sơ hải quan được chậm nộp theo quy định của pháp luật hải quan.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không khai báo và làm thủ tục đúng thời hạn quy định khi thay đổi mục đích sử dụng hàng hoá đã được xác định thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, xét miễn thuế;

b) Không nộp hồ sơ đúng thời hạn quy định để báo cáo, thanh khoản, quyết toán, xét hoàn thuế;

c) Không làm thủ tục xử lý đúng thời hạn quy định đối với nguyên liệu, vật tư dư thừa; phế liệu, phế phẩm, máy móc thiết bị thuê mượn thuộc hợp đồng gia công theo phương án đã đăng ký trong hồ sơ thanh khoản;

d) Không tái xuất, tái nhập hàng hoá đúng thời hạn quy định hoặc thời gian đã đăng ký với cơ quan hải quan, trừ vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này;

đ) Không tái xuất, tái nhập phương tiện vận tải của cá nhân, tổ chức ở khu vực biên giới thường xuyên qua lại khu vực biên giới đúng thời hạn quy định;

e) Không chấp hành đúng chế độ báo cáo, cung cấp và khai báo thông tin hàng hoá chịu sự giám sát, quản lý hải quan tại khu phi thuế quan theo quy định của pháp luật;

g) Điều chỉnh định mức sản xuất sản phẩm gia công; định mức sản xuất sản phẩm xuất khẩu từ nguyên liệu, vật tư nhập khẩu không đúng thời hạn quy định;

h) Vi phạm quy định khác về thời hạn khai thuế theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không tái xuất hàng hoá tạm nhập thuộc diện miễn thuế, hàng kinh doanh tạm nhập - tái xuất đúng thời hạn quy định;

b) Không tái xuất, tái nhập phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh đúng thời hạn quy định, trừ trường hợp xử phạt theo Điểm d Khoản 2 Điều này;

c) Lưu giữ hàng hoá quá cảnh trên lãnh thổ Việt Nam quá thời hạn quy định.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này mà phương tiện vi phạm là ô tô dưới 24 chỗ ngồi.

5. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tái xuất hàng hoá tạm nhập, phương tiện vận tải tạm nhập đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm d, đ Khoản 2; Điểm a, b Khoản 3 và Khoản 4 Điều này trừ trường hợp được phép tiêu thụ hàng hoá tại Việt Nam theo quy định;

b) Buộc đưa hàng hoá ra khỏi Việt Nam đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này.

Điều 7. Vi phạm quy định về khai hải quan

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không khai hoặc khai không đúng các nội dung trên tờ khai hải quan mà không thuộc các trường hợp nêu tại các Khoản 2, 3, 4 Điều này và Điều 8, Điều 13, Điều 14 Nghị định này;

b) Không khai hoặc khai sai so với thực tế về tên hàng, chủng loại, số lượng, trọng lượng, xuất xứ hàng hoá là hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.